

Số: 12 / BB-ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LANG SON

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn

Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn.

Mã số doanh nghiệp/ mã số thuế: 4900101456

Đã khai mạc và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào hồi 08h05' ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại hội trường nhà hàng Hoa Sim, địa chỉ số 1A Đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI.

1. Thành phần tham dự Đại hội:

Sau khi Ban tổ chức đại hội ổn định tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

Tại thời điểm 08h5' ngày 10/6/2022, đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn (gọi tắt là "Đại hội ") có :

Tổng số cổ đông tham dự đại hội hợp lệ: 10 người

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 3.742.270 cổ phần, chiếm: 94,55% tổng số cổ phần biểu quyết của công ty.

Trong đó:

- Cổ đông trực tiếp tham dự đại hội: 10 cổ đông, số cổ phần sở hữu: 1.572.596 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 39,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

- Cổ đông ủy quyền tham dự đại hội: 25 cổ đông, số cổ phần ủy quyền: 2.169.674 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 54,82 % tổng số cổ phần biểu quyết của công ty.

2. Tính hợp lệ, hợp pháp của Đại hội

Căn cứ Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nêu trên. Đại hội đủ điều kiện được tiến hành theo Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

3. Đại hội thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết để thông qua danh sách nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu Đại hội do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu trình Đại hội thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

3.1 Thông qua danh sách nhân sự Đoàn Chủ tịch đại hội:

- Bà Nguyễn Kim Thảo - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
- Ông Đậu Trường Sinh - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên Đoàn chủ tịch

- Bà Vũ Mộng Nương - Ủy viên HĐQT, thành viên Đoàn chủ tịch

- **Kết quả biểu quyết:** 3.742.270 cổ phần, tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tán thành.

3.2 Thông qua danh sách nhân sự Ban thư ký:

- Bà Nông Thị Toàn - Phó giám đốc KS Hoa Sim, Trưởng Ban thư ký.

- Bà Vy Hồng Vinh - Giám đốc CN Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn, thành viên

Kết quả biểu quyết: 3.742.270 cổ phần biểu quyết tán thành, tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tại Đại hội.

3.3 Danh sách Ban Kiểm phiếu.

- Ông Lê Văn Do - trưởng phòng TCKH TH : trưởng ban.

- Bà Đỗ Thu Vân - Kế toán KS Hoa Sim: thành viên.

- Bà Bùi Thị Phương Mai - kế toán CN Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn: thành viên.

Kết quả biểu quyết: 3.742.270 cổ phần biểu quyết tán thành, tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tại Đại hội.

4. Thông qua Nội dung chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội .

4.1 Ông Đậu Trường Sinh, thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày dự thảo nội dung chương trình Đại hội và dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội.

4.2 Đại hội thảo luận: Đại hội không có ý kiến phát biểu thảo luận.

4.3 Đại hội biểu quyết thông qua nội dung chương trình Đại hội gồm các nội dung sau:

- (1) Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
- (2) Thông qua phương án phân chia cổ tức năm 2021;
- (3) Thông qua chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2022; Thông qua mức chi phụ cấp cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2022.
- (4) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo nhiệm kỳ năm 2017-2022 của HĐQT.
- (5) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo nhiệm kỳ 2017-2022 của BKS.
- (6) Thông qua phương án đầu tư Khách sạn Hoa Sim;

(7) Thông qua việc Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;

(8) Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa mã ngành 5225. Bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ công ty: Ngành nghề kinh doanh của Công ty : kinh doanh các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa mã ngành 5225;

(9) Bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

(10) Thông qua một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội.

Kết quả biểu quyết: 3.742.270 cổ phần biểu quyết tán thành, tương ứng : 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tại Đại hội .

4.4 Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội :

Kết quả biểu quyết: 3.742.270 cổ phần biểu quyết tán thành, tương ứng: 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tại Đại hội.

5. Ông Đậu Trường Sinh: thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày các văn kiện trình Đại hội như sau:

5.1 Báo cáo của HĐQT trình tại đại hội (bao gồm nội dung: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng hoạt động năm 2022; thù lao của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc năm 2020); Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2017-2022 của HĐQT.

5.2 Tờ số: 08 /TTr /HĐQT ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng quản trị trình Đại hội về việc: Thông qua một số nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trích một số nội dung chính như sau:

5.2.1 HĐQT trình Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.

Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM.

Trích một số nội dung chính của Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán, như sau:

Bảng cân đối kế toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

		Đơn vị tính: VND			
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021	
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	12.893.172.497	14.593.271.663	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.492.863.934	7.983.378.893

1	Tiền	111		6.492.863.934	5.883.378.893
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	2.100.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.909.392.697	2.675.697.528
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	494.259.834	973.721.044
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	390.998.000	470.398.000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	52.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.026.004.863	1.549.578.484
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.870.000)	(370.000.000)
IV	Hàng tồn kho	140		4.194.833.365	3.896.849.181
1	Hàng tồn kho	141	V.7.	4.233.797.568	3.896.849.181
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		296.082.501	37.346.061
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	136.070.726	16.856.061
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	160.011.775	20.490.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.463.442.746	95.359.242.439
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		21.576.869.593	21.143.143.840
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	21.576.869.593	21.143.143.840
II	Tài sản cố định	220		6.985.151.637	8.077.989.259
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	6.985.151.637	8.077.989.259
-	Nguyên giá	222		25.918.644.885	25.398.291.565
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.933.493.248)	(17.320.302.306)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	-
-	Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	635.490.455
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	635.490.455	635.490.455
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	-	64.622.821.897
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	64.622.821.897
VI	Tài sản dài hạn khác	260		2.265.931.061	879.796.988
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.265.931.061	879.796.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		44.356.615.243	109.952.514.102
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.296.630.060	66.350.778.682
I	Nợ ngắn hạn	310		1.246.630.060	1.677.956.785
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	65.344.284	126.256.818
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	-	13.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	146.818.210	341.091.637

4	Phải trả người lao động	314		-	156.400.000
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	460.745.453	595.254.544
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	54.972.522	167.184.195
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	55.000.000	170.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		463.749.591	108.769.591
II	Nợ dài hạn	330		50.000.000	64.672.821.897
1	Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	50.000.000	50.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	-	64.622.821.897
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.059.985.183	43.601.735.420
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	43.059.985.183	43.601.735.420
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.395.147.734	3.895.147.734
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.837.449	127.587.686
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	421a		127.587.686	(1.730.173.867)
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		(41.750.237)	1.857.761.553
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		44.356.615.243	109.952.514.102

Kết quả kinh doanh:

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	13.892.821.666	18.321.725.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.892.821.666	18.321.725.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	12.101.092.827	13.155.610.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.791.728.839	5.166.115.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.668.491.769	1.519.106.910
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.000.000	2.650.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	1.551.036.744	1.870.503.225

9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.853.349.629	2.789.148.276
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		53.834.235	2.022.920.511
11.	Thu nhập khác	31	VI.5.	35.000.001	39.267.745
12.	Chi phí khác	32	VI.6.	102.705.904	414.073
13.	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(67.705.903)	38.853.672
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(13.871.668)	2.061.774.183
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	27.878.569	112.802.176
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(41.750.237)	1.948.972.007
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(10,55)	492,43

5.2.2 Đề nghị Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.

Kết quả kinh doanh năm 2021 lỗ: 41.750.237 đồng. Không thực hiện chia cổ tức năm 2021.

5.2.3 Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022; Mức chi phụ cấp cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2022.

a. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD kinh doanh năm 2022.

STT	Chỉ tiêu kế hoạch	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	17.642.400.000đ	
2	Tổng chi phí:	16.142.400.000đ	
3	Lợi nhuận	1.500.000.000đ	
4	Tổng quỹ lương	2.710.800.000đ	
5	Tổng số lao động	50	
6	Nộp Ngân sách:	1.500.000.000đ	

Trong năm nếu có đầu tư lớn cải tạo hoặc nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị chi nhánh trực thuộc sẽ điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với qui mô, mức độ đầu tư.

b. Mức chi phụ cấp cho thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2021 .

- Phụ cấp của Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của thành viên HĐQT: 2.500.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của trưởng ban kiểm soát: 1.800.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đ/ tháng.

5.2.4 Đề Nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

5.2.5. Đề nghị Đại hội thông qua chủ trương đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim.

Đề nghị Đại hội giao cho HĐQT tiếp tục nghiên cứu, lập phương án đầu tư xây mới Khách sạn Hoa Sim đạt tiêu chuẩn 4 sao hoặc tương đương 4 sao tại vị trí KS Hoa Sim hiện nay, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

5.2.6 Đề nghị Đại hội xem xét thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh các bến, bãi ô tô, điếm bốc xếp hàng hóa . Mã ngành 5225. Bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty : kinh doanh bến, bãi ô tô, điếm bốc xếp hàng hóa , mã ngành 5225.

5.2.7 Đề nghị Đại hội bầu thành viên HĐQT , thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

6. Bà Bé Thị Thu Hương, ủy viên Ban kiểm soát thay mặt BKS trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 trình tại Đại hội .

7 . Đại hội Thảo luận các báo cáo và các nội dung trình tại Đại hội:

Tổng hợp tóm tắt những ý kiến phát biểu của cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tại Đại hội:

Nhất trí các bản Báo cáo của HĐQT, BKS và nội dung HĐQT trình tại Đại hội .

Ý kiến khác: Không có.

8. Đại hội tiến hành biểu quyết thông các nội dung dưới đây (giơ thẻ biểu quyết từng nội dung), kết quả như sau:

STT	Nội dung biểu quyết tại Đại hội	Tán thành %	Không tán thành %	Không ý kiến %
1	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.	100		
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 trình Đại hội (Bao gồm các	100		

	nội dung: Hoạt động của HĐQT năm 2021, phương hướng hoạt động năm 2022; thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, tổng giám đốc điều hành năm 2021); Báo cáo nhiệm kỳ 2017 – 2022 của HĐQT.			
3	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 trình Đại hội; Báo cáo nhiệm kỳ 2017-2022 của BKS.	100		
4	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021.	100		
5	Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022; Phụ cấp của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát năm 2022.	100		
6	Thông phương án đầu tư Khách sạn Hoa Sim: HĐQT tiếp tục triển khai xây dựng phương án đầu tư xây mới KS Hoa Sim đạt tiêu chuẩn tương đương 4 sao tại vị trí KS Hoa Sim hiện nay trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	100		
7	Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa .Mã ngành 5225. Bổ sung khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty : kinh doanh bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa , mã ngành 5225.	100		
8	Thông qua việc Đại hội ủy quyền cho HĐQT quyết định, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100		

9. Đại hội thông qua quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

9.1 Ông Lê Văn Do – trình bày dự thảo quy chế bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

9.2 Đại hội thảo luận: Không có ý kiến phát biểu.

9.3 Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành là : 3.742.270 CP , tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành là: 0 CP , tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

- Số phần biểu quyết không ý kiến: 0 CP, tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

10. Đại hội biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu bầu cử gồm các ông / bà có tên sau:

- Ông Lê Văn Do - trưởng phòng TCKHHTH : trưởng ban.
- Bà Đỗ Thu Vân - Kế toán KS Hoa Sim: thành viên.
- Bà Bùi Thị Phương Mai - kế toán CN Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn: thành viên.

Kết quả biểu quyết: 3.742.270 cổ phần biểu quyết tán thành, tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện theo ủy quyền dự họp tại Đại hội.

11. Đại hội tiến hành ứng cử, đề cử danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

11.1 Ứng cử: Không có.

11.2 Đề cử: Nhóm cổ đông gồm các ông/ bà :

- Ông Đậu Trường Sinh.
- Công ty TNHH Thảo Viên.
- Bà Nguyễn Tú Oanh.

Tổng số cổ phần sở hữu là: 2.234.343 CP, chiếm tỷ lệ 56,45 % Vốn điều lệ công ty đã đề cử nhân sự bầu vào thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông/ bà có tên sau:

a. DS nhân sự đề cử bầu thành viên HĐQT gồm có:

- Bà Nguyễn Kim Thảo
- Bà Vũ Mộng Nương
- Ông Đậu Trường Sinh.

b. DS nhân sự đề cử bầu thành viên BKS gồm có:

- Đỗ Thu Huyền.
- Bé Thị Thu Hương.
- Nguyễn Mai Thương.

12. Đại hội thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông/ bà có tên sau:

- Bà Nguyễn Kim Thảo
- Bà Vũ Mộng Nương
- Ông Đậu Trường Sinh.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua , kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành là : 3.742.270 CP , tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không tán thành là: 0 CP , tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.
- Số phần biểu quyết không ý kiến: 0 CP, tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

13. Đại hội thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông/ bà có tên sau:

- Đỗ Thu Huyền.
- Bé Thị Thu Hương.
- Nguyễn Mai Thương

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua , kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành là : 3.742.270 CP , tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết không tán thành là: 0 CP , tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.
- Số phần biểu quyết không ý kiến: 0 CP, tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

14. Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027 theo phương thức bầu dồn phiếu.

Kết quả bầu cử như sau:

14.1 Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

Các ông/ bà có tên sau đây trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027:

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số quyền bầu	Tỷ lệ %
01	Vũ Mộng Nương	3.393.788	90,68
02	Nguyễn Kim Thảo	4.112.609	109,89
03	Đậu Trường Sinh	3.720.413	99,43

14.2 Kết quả bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

Các ông/ bà có tên sau đây trúng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027:

STT	Họ và tên ứng viên	Tổng số quyền bầu	Tỷ lệ %
01	Đỗ Thu Huyền	4.112.409	109,89
02	Bé Thị Thu Hương	3.720.513	99,41
03	Nguyễn Mai Thương	3.393.888	90,70

15. Đại hội nghỉ giải lao. HĐQT họp phiên họp thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027; BKS họp phiên họp thứ nhất bầu Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

16. Đại hội công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

- Bà Nguyễn Kim Thảo được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.

- Bà Đỗ Thu Huyền được bầu giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

17. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

17.1 Bà Nông Thị Toàn - trưởng ban thư ký trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

17.2 Đại hội thảo luận: Không có ý kiến phát biểu.

17.3 Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết tán thành là : 3.742.270 CP , tương ứng 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết không tán thành là: 0 CP , tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

- Số phần biểu quyết không ý kiến: 0 CP, tương ứng 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp đại hội.

18. Chủ tọa Đại hội Bế mạc Đại hội thường niên.

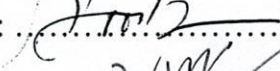
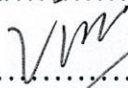
Bà Nguyễn Kim Thảo – Chủ tịch HĐQT, chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi: 12h40, ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Tài liệu kèm theo Biên bản Đại hội:

- Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội thường niên năm 2022.
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội.
- Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2027.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Bà: Nông Thị Toàn – Trưởng ban thư ký: 
2. Bà : Vy Hồng Vinh – Thành viên ban thư ký: 

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Kim Thảo